

Bản án số: 53/2018/DS-PT

Ngày: 18 - 4 - 2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là
di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Phạm Việt Cường**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đinh Ngọc Kính**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản là di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Phan Văn C**; Trú tại: phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**; Trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà **Phan Thị T1**; Trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3.2. Bà **Phan Thị T2**; Trú tại: phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3.3. Bà **Phan Thị T4** (T); Trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Bà T1, bà T2 và bà T3 đều ủy quyền cho ông Phan Văn C (nguyên đơn trong vụ án).

3.4. Chị **Lê Thị N.**

3.5. Chị **Lê Thanh H.**

Trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; đều vắng mặt.

3.6. Chị **Lê Thị T**; Trú Tại: xã P, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3.7. Chị **Phan Thị Ngọc Y**; Trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3.8. **Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thanh T – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ H** – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (Văn bản ủy quyền số 13/GUQ-UBND ngày 5.6.2017 của Chủ tịch UBND huyện H), có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định**; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn, ông Phan Văn C và bị đơn, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn C trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tọa lạc tại thửa đất số 409 tờ bản đồ số 06 tại thôn Thành Sơn, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định hiện bà Nguyễn Thị T đang quản lý sử dụng là do chị em ông mua vào năm 1983 của Cửa hàng mậu dịch Chánh Tây, xã H, huyện H với giá 34.000 đồng. Việc mua bán có giấy tờ được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận. Nguồn tiền mua nhà một phần do bán ngôi nhà của mẹ ông ở xóm 1, S, H cho anh Hồ Thanh X và chị Nguyễn Thị X (con của cô ruột ông là cụ Phan Thị C) với giá 20.000 đồng, ông góp thêm 14.000 đồng.

Nhà ở H là của cha mẹ ông tức cụ Phan L và cụ Phùng Thị B tạo lập. Năm 1955 cha ông tập kết ra miền Bắc, mẹ ông ở lại quê nhà nuôi con. Do chiến tranh nên ngôi nhà bị tàn phá, mẹ ông đã sửa chữa lại nhà để ở, năm 1969 mẹ ông chết. Đến năm 1983 chị em ông bán nhà này và thêm tiền vào để mua nhà như đã khai ở trên. Do đó nhà, đất này thuộc quyền sở hữu của cha mẹ ông và 06 chị em ông chứ cha ông không có tiền bỏ vào mua nhà mà chỉ là người đứng tên trên giấy tờ.

Sau khi mua nhà, chị em ông để ngôi nhà cho cha ông ở. Cha ông chỉ ở một mình. Năm 1985 ông Phan Trọng T là con người vợ sau của cha ông ở Miền Bắc vào nhưng ông T ở tại nhà cụ Phan Thị L (cô ruột của ông) ở H. Năm

1987 ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Chị em ông chỉ cho vợ chồng ông T ở tạm sau này kiếm chỗ khác ở chứ không cho ở luôn vì nhà này chị em ông thống nhất mua để làm nhà từ đường. Quá trình ở, ông T đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm này ông công tác ở xa nên không biết. Đến năm 2005 ông làm đơn xin chuyển quyền sử dụng đất được chính quyền thôn S và thôn A xác nhận. Khi xác nhận, chính quyền thôn cũng không biết đất này đã cấp cho ông T. Sau đó ông tìm hiểu mới biết UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T vào năm 1997, do đó ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01208/QSDD/A3 ngày 7/03/1997 mà UBND huyện H đã cấp cho hộ ông Phan Trọng T. Ông không yêu cầu chia thừa kế mà yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại tài sản là nhà, đất nêu trên cho chị em ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất là của cha chồng bà (cụ Phan L) mua vào năm 1983 với giá 34.000đ của Hợp tác xã mua bán xã H. Ngôi nhà nguyên là cửa hàng mua bán. Nguồn tiền mua nhà là của cha chồng. Sau khi mua nhà, cha bà che thêm một mái hiên để làm chỗ nấu nướng. Năm 1987 bà kết hôn với ông Phan Trọng T và về ở tại nhà, đất này. Năm 2004 vợ chồng bà làm thêm một nhà cấp 4. Quá trình sử dụng đất gia đình bà kê khai nên năm 1997 hộ gia đình bà được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp đất, hộ gia đình bà gồm có 03 nhân khẩu là: ông Phan Trọng T, bà và chị Phan Thị Ngọc Y (con). Bà không đồng ý trả lại nhà, đất cho ông C vì nhà là của cha chồng bà mua còn đất là do Nhà nước cân đối giao quyền cho hộ gia đình của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Hồng Y trình bày:

Chị thống nhất với lời khai và yêu cầu của mẹ chị là bà Nguyễn Thị T. Do điều kiện đi làm ăn xa nên chị yêu cầu Tòa xử vắng mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND huyện H do ông Hồ Hưởng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01208/QSDD/A3 ngày 7/03/1997 mà UBND huyện H đã cấp cho ông Phan Trọng T vì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là đúng theo quy định của pháp luật. Thủ tục gồm có Đơn đăng ký do ông T đăng ký tại thời điểm đó gồm có ông T, bà T, chị Y. UBND huyện H cân đối cấp đất theo Nghị định 64 sau khi có đơn của ông T được UBND xã H xem xét chuyển lên UBND huyện H để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã H ông Trần Quốc T trình bày:

UBND xã H tiếp nhận đơn đăng ký của ông T và Giấy xác nhận hộ khẩu tại thời điểm được Nhà nước giao quyền sử dụng đất gồm có ông T, bà T, chị Y.

Sau khi xem xét UBND xã H chuyển đơn của ông T lên UBND huyện H để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. UBND xã H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DSST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Bác yêu cầu của ông Phan Văn C về việc đòi bà Nguyễn Thị T phải trả lại tài sản là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 409 tờ bản đồ số 06 tại A, H, H, Bình Định.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01208/QSDĐ/A3 ngày 07.8.1997 của Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho hộ ông Phan Trọng T tại thửa đất số 409 tờ bản đồ số 06 tại A, H, H, Bình Định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản, quy định về thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/10/2017, nguyên đơn ông Phan Văn C và bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đơn khởi kiện. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị T giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về nguồn gốc nhà và đất các bên tranh chấp tại thửa đất 409 tờ bản đồ số 06, diện tích 736m² trong đó có 200m² đất ở và 536m² đất vườn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06.10.1983 cụ Phan L có “đơn xin mua nhà ở” gửi UBND xã H đề xin mua ngôi nhà thuộc Hợp tác xã mua bán xã H; trong đơn cụ L trình bày: *“từ khi tôi được hưu trí về quê cũ, chỉ còn ngôi nhà cũ lụp xụp, tôi chỉ tạm ở, qua năm 1983 tôi sang lại cho em tôi Phan Thị C để lên Gia Lai ở với con tôi nhưng điều kiện sinh hoạt thấy khó khăn và không phù hợp thời tiết của tuổi già nên tôi*

đã trở về tá túc tạm thời với em tôi... .Vậy kính xin quý cấp lưu tình xét chấp thuận, giúp đỡ cho tôi được mua căn nhà trên để ở và dưỡng già”. Đơn của cụ L được Ban quản trị Hợp tác xã nông nghiệp H 4 nhất trí vào ngày 08.10.1983. Ngày 20.10.1983, UBND xã H đã đồng ý nhượng lại Cửa hàng mua bán cho cụ Phan L với giá 34.000 đồng và đề nghị Ban quản trị HTX nông nghiệp H 4 cấp cho cụ L 500m² đất thổ cư còn bao nhiêu thực hiện chính sách khoán sản phẩm nếu cụ L nhận. Như vậy, cụ L là người trực tiếp mua ngôi nhà và được cấp 500m² đất gắn liền phần đất còn lại là giao khoán sản phẩm nên việc ông C cho rằng chị em ông là người mua nhà, cụ L chỉ đứng tên là không có căn cứ. Vì vậy án sơ thẩm đánh giá chứng cứ và xác định nguồn gốc nhà đất nêu trên là thuộc quyền sở hữu và sử dụng của cụ Phan L là có căn cứ.

[2]. Năm 1990 cụ L chết không để lại di chúc, không tặng cho tài sản vợ chồng ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên khi cụ L còn sống vợ chồng ông T, bà T chỉ ở chung với cụ L nhưng đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Án sơ thẩm xem xét đánh giá chứng cứ và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phan Trọng T là có căn cứ, do vậy đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xác định được tài sản tranh chấp nêu trên là của cụ L đã chết năm 1990, khi chết cụ không để lại di chúc, do vậy đây là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ L, theo đơn khởi kiện của ông Phan Văn C có nội dung là “Đòi lại tài sản”. Do vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông C, đồng thời giành quyền khởi kiện bằng một vụ kiện về “Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L” là có căn cứ, đúng pháp luật, ông C có quyền khởi kiện vụ án chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại, khi đó công sức đóng góp của ông C cũng như những đồng thừa kế khác vào khối di sản nếu có sẽ được xem xét theo quy định của pháp luật. Do vậy đơn kháng cáo của ông Phan Văn C cũng không có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí: Đơn kháng cáo của ông Phan Văn C và của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận, nên ông C bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu của ông Phan Văn C về việc đòi bà Nguyễn Thị T phải trả lại tài sản là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 409 tờ bản đồ số 06 tại A, H, H, Bình Định.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01208/ QSDĐ/A3 ngày 07.8.1997 của Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho hộ ông Phan Trọng T tại thửa đất số 409 tờ bản đồ số 06 tại A, H, H, Bình Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 08106 ngày 17.10.2017 và biên lai số 08127 ngày 27.10.2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành